

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 nguồn viện trợ của Bộ Y tế cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và các Chương trình/Dự án

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4789/QĐ-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 90/2018/TT-BTC);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của các đơn vị trực thuộc Bộ (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào dự toán được giao, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm thực hiện công khai ngân sách của đơn vị mình theo đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các Vụ, Cục, Chánh Thanh tra Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ./.

Nơi nhận:

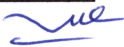
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để phối hợp);
- Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KH-TC4.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đức Luận

PHÂN BỐ VỐN ĐỐI ỨNG, NƯỚC NGOÀI HCSN NĂM 2024 CÁC CHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2024 của Bộ Y tế)

TT	Tên đơn vị/chương trình/dự án	Tổng số Thủ tướng Chính phủ giao theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg và 1601/QĐ-TTg ngày 10/12/2023	Phân bổ theo Quyết định 4789/QĐ-BYT ngày 30/12/2023
	TỔNG CỘNG	3.710.122	3.710.122
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO: Loại 070 - Khoản 081, Chi thường xuyên giao không tự chủ.	54.400	54.400
1	Trường Đại học Y Hà Nội	16.400	16.400
2	Viện Đào tạo YTDP và YTCC - Trường Đại học Y Hà Nội	13.997	13.997
3	Trường Đại học Y tế công cộng	24.003	24.003
II	SỰ NGHIỆP Y TẾ DÂN SỐ-GIA ĐÌNH: Loại 130-139, Chi thường xuyên giao không tự chủ.	3.655.722	3.655.722
1	Cục Quản lý Khám chữa bệnh	9.265	9.265
2	Cục phòng, chống HIV/AIDS	34.000	34.000
3	Cục Y tế dự phòng	8.000	8.000
4	Văn phòng Bộ Y tế	2.552.083	2.552.083
4.1	Các dự án thuộc Văn phòng Bộ	2.550	2.550
4.2	Dự phòng các dự án chờ cơ sở pháp lý	2.549.533	2.549.533
5	Bệnh viện Phổi Trung ương	282.680	282.680
6	Bệnh viện bệnh Nhiệt đới Trung ương	10.815	10.815
7	Bệnh viện Trung ương Huế	2.198	2.198
8	Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh	46.684	46.684
9	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	3.765	3.765



10	Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương	57.591	57.591
11	Viện Pasteur Nha Trang	18.400	18.400
12	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên	15.000	15.000
13	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn	150.000	150.000
14	Dự án "Vi sự sống còn, phát triển trẻ em và môi trường" do UNICEF viện trợ không hoàn lại giai đoạn 2022 - 2026	35.000	35.000
15	Dự án Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật phòng, chống HIV/AIDS tại Việt Nam (EPIC)	112.957	112.957
16	Dự án Quỹ toàn cầu phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2021 - 2023	100.000	100.000
17	Tăng cường tiếp cận công bằng tới thông tin và dịch vụ sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục toàn diện cho các nhóm dân cư dễ bị tổn thương (VNM10P03)	24.810	24.810
18	Ban quản lý dự án " Hỗ trợ kỹ thuật y tế giữa Việt Nam và Tổ chức Y tế thế giới (WHO), tài khoá 2022-2023	42.017	42.017
19	Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021 - 2023	46.841	46.841
20	BQL Dự án Tăng cường năng lực thực hiện An ninh y tế toàn cầu phù hợp với yêu cầu của điều lệ y tế quốc tế tại Việt Nam giai đoạn 2021- 2024	36.000	36.000
21	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở	67.616	67.616
21.1	<i>Ban QLDA TW</i>	55.400	55.400
21.2	<i>Sở Y tế các tỉnh (gồm 12 tỉnh tham gia Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở) thực hiện theo kinh phí ủy quyền.</i>	12.216	12.216
	<i>Sở Y tế tỉnh Hà Giang</i>	616	616
	<i>Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn</i>	927	927
	<i>Sở Y tế tỉnh Yên Bái</i>	1.317	1.317
	<i>Sở Y tế tỉnh Sơn La</i>	566	566
	<i>Sở Y tế tỉnh Hòa Bình</i>	1.379	1.379



	Sở Y tế tỉnh Quảng Bình	656	656
	Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi	1.186	1.186
	Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận	713	713
	Sở Y tế tỉnh Long An	2.070	2.070
	Sở Y tế tỉnh Trà Vinh	857	857
	Sở Y tế tỉnh Hậu Giang	1.249	1.249
	Sở Y tế tỉnh Bạc Liêu	680	680

